

Phụ lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN TRIỂN KHAI CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
				Toàn trình	Một Phần	
	I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		20	16	
1	1	1.004494.000.00.00.H38	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	x		
2	2	1.006445.000.00.00.H38	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	x		
3	3	1.004515.000.00.00.H38	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	x		
4	4	1.001639.000.00.00.H38	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	x		
5	5	1.005099.000.00.00.H38	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	x		
6	6	2.001818.000.00.00.H38	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	x		
7	7	3.000182.000.00.00.H38	Tuyển sinh trung học cơ sở	x		
8	8	2.002481.000.00.00.H38	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	x		
9	9	2.002482.000.00.00.H38	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	x		
10	10	2.002483.000.00.00.H38	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	x		
11	11	1.004496.000.00.00.H38	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	x		
12	12	2.001824.000.00.00.H38	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	x		

13	13	1.008724.000.00.00.H38	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	x		
14	14	1.008725.000.00.00.H38	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	x		
15	15	1.004438.000.00.00.H38	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	x		
16	16	1.003702.000.00.00.H38	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	x		
17	17	1.001622.000.00.00.H38	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	x		
18	18	1.008950.000.00.00.H38	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	x		
19	19	1.008951.000.00.00.H38	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	x		
20	20	2.002594.000.00.00.H38	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	x		
21	21	1.006390.000.00.00.H38	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		x	
22	22	1.006444.000.00.00.H38	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		x	
23	23	1.004555.000.00.00.H38	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học		x	
24	24	2.001842.000.00.00.H38	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục		x	
25	25	1.004552.000.00.00.H38	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại		x	
26	26	1.004563.000.00.00.H38	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học		x	
27	27	1.004442.000.00.00.H38	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		x	
28	28	1.004444.000.00.00.H38	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục		x	

29	29	1.004475.000.00.00.H38	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại		x	
30	30	2.001809.000.00.00.H38	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		x	
31	31	2.001837.000.00.00.H38	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú		x	
32	32	3.000307.000.00.00.H38	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng		x	
33	33	3.000308.000.00.00.H38	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)		x	
34	34	3.000309.000.00.00.H38	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở		x	
35	35	1.012969.000.00.00.H38	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng		x	
36	36	1.012970.000.00.00.H38	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại		x	
	II	Lĩnh vực Du lịch			1	
37	1	1,009915	Thủ tục hỗ trợ câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian tại các điểm du lịch		x	
	III	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư		31		
38	1	1.001612.000.00.00.H38	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	x		
39	2	2.000720.000.00.00.H38	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	x		
40	3	1.001570.000.00.00.H38	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	x		
41	4	1.001266.000.00.00.H38	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	x		
42	5	2.000575.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	x		
43	6	1.005280.000.00.00.H38	Đăng ký thành lập hợp tác xã	x		
44	7	2.002123.000.00.00.H38	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x		
45	8	1.005277.000.00.00.H38	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	x		

46	9	1.005378.000.00.00.H38	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x		
47	10	2.001973.000.00.00.H38	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	x		
48	11	1.004982.000.00.00.H38	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	x		
49	12	1.004979.000.00.00.H38	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	x		
50	13	2.001958.000.00.00.H38	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	x		
51	14	1.005377.000.00.00.H38	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x		
52	15	1.005010.000.00.00.H38	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x		
53	16	1.004901.000.00.00.H38	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	x		
54	17	2.002635.000.00.00.H38	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	x		
55	18	2.002636.000.00.00.H38	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	x		
56	19	2.002637.000.00.00.H38	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	x		
57	20	2.002638.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	x		
58	21	2.002639.000.00.00.H38	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	x		

59	22	2.002640.000.00.00.H38	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	x		
60	23	2.002641.000.00.00.H38	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	x		
61	24	2.002642.000.00.00.H38	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	x		
62	25	2.002643.000.00.00.H38	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
63	26	2.002644.000.00.00.H38	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	x		
64	27	2.002645.000.00.00.H38	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
65	28	2.002646.000.00.00.H38	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	x		
66	29	2.002648.000.00.00.H38	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
67	30	2.002649.000.00.00.H38	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
68	31	2.002650.000.00.00.H38	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
	IV	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường		6	21	
69	1	1.012819.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	x		
70	2	1.008603.000.00.00.H38	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	x		
71	3	1.010724.000.00.00.H38	Cấp đổi Giấy phép môi trường	x		
72	4	1.010725.000.00.00.H38	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	x		
73	5	1.010726.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy phép môi trường	x		
74	6	1.001662.000.00.00.H38	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	x		

75	7	1.012771.000.00.00.H38	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân		x	
76	8	1.012773.000.00.00.H38	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân		x	
77	9	1.012774.000.00.00.H38	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân		x	
78	10	1.012775.000.00.00.H38	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân		x	
79	11	1.012776.000.00.00.H38	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân		x	
80	12	1.012777.000.00.00.H38	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân		x	
81	13	1.012778.000.00.00.H38	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân		x	
82	14	1.012779.000.00.00.H38	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân		x	

83	15	1.012780.000.00.00.H38	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở		x	
84	16	1.012814.000.00.00.H38	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất		x	
85	17	1.012817.000.00.00.H38	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004		x	
86	18	1.012796.000.00.00.H38	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót		x	
87	19	1.012818.000.00.00.H38	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi		x	
88	20	1.012816.000.00.00.H38	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông		x	
89	21	1.012807.000.00.00.H38	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư		x	
90	22	1.012808.000.00.00.H38	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất.		x	
91	23	1.012809.000.00.00.H38	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư		x	
92	24	1.012810.000.00.00.H38	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân		x	

93	25	1.012811.000.00.00.H38	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện		x	
94	26	1.010723.000.00.00.H38	Cấp Giấy phép môi trường		x	
95	27	1.001645.000.00.00.H38	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)		x	
	V	Lĩnh vực Tư pháp		4	15	
96	1	2.002192.000.00.00.H38	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	x		
97	2	2.000635.000.00.00.H38	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	x		
98	3	2.002516.000.00.00.H38	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	x		
99	4	2.000908.000.00.00.H38	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	x		
100	5	2.000756.000.00.00.H38	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài		x	
101	6	1.001669.000.00.00.H38	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài		x	
102	7	2.000528.000.00.00.H38	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài		x	
103	8	1.000893.000.00.00.H38	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		x	
104	9	1.001766.000.00.00.H38	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài		x	
105	10	2.000513.000.00.00.H38	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		x	
106	11	2.000522.000.00.00.H38	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		x	
107	12	2.000497.000.00.00.H38	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài		x	
108	13	2.000748.000.00.00.H38	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc		x	
109	14	2.000806.000.00.00.H38	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài		x	
110	15	2.000779.000.00.00.H38	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		x	
111	16	2.000547.000.00.00.H38	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		x	

112	17	2.002189.000.00.00.H38	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		x	
113	18	2.000554.000.00.00.H38	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		x	
114	19	2.002363.000.00.00.H38	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		x	
	VI	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông		4		
115	1	2.001885.000.00.00.H38	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
116	2	2.001786.000.00.00.H38	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
117	3	2.001880.000.00.00.H38	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
118	4	2.001884.000.00.00.H38	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
	VII	Lĩnh vực Y tế			1	
119	1	1.002425.000.00.00.H38	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện		x	
	VIII	Lĩnh vực Công Thương		14		
120	1	2.000599.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	x		
121	2	1.000473.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	x		
122	3	2.000629.000.00.00.H38	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	x		
123	4	1.001279.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	x		
124	5	2.000633.000.00.00.H38	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	x		
125	6	2.000620.000.00.00.H38	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	x		

126	7	2.000615.000.00.00.H38	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	x		
127	8	2.001240.000.00.00.H38	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	x		
128	9	2.000181.000.00.00.H38	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	x		
129	10	2.000162.000.00.00.H38	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	x		
130	11	2.000150.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	x		
131	12	2.001283.000.00.00.H38	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	x		
132	13	2.001270.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	x		
133	14	2.001261.000.00.00.H38	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	x		
	IX	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		13	20	
134	1	1.011337	Thủ tục hỗ trợ trồng chè nguyên liệu chất lượng cao	x		
135	2	1.011338	Thủ tục hỗ trợ phát triển vùng sản xuất dược liệu (trừ dược liệu quý)	x		
136	3	1.011339	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ	x		
137	4	1.011340	Thủ tục hỗ trợ dự án trồng cây ăn quả	x		
138	5	1.011341	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất cây trồng chủ lực của địa phương	x		
139	6	1.011342	Thủ tục hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống, rải vụ dừa	x		
140	7	1.011343	Thủ tục hỗ trợ sản xuất phân bón hữu cơ	x		
141	8	1.011336	Thủ tục hỗ trợ tích tụ đất đai	x		
142	9	1.003347.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	x		
143	10	1.003471.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	x		
144	11	3.000154.000.00.00.H38	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan	x		
145	12	1.003459.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)	x		
146	13	1.003605.000.00.00.H38	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	x		

147	14	1.012849.000.00.00.H38	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện		x	
148	15	1.012836.000.00.00.H38	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		x	
149	16	1.012837.000.00.00.H38	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nito lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		x	
150	17	1.011346	Thủ tục hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi (sản xuất giống trâu, bò; cơ sở chăn nuôi lợn nái sinh sản tập trung; sản xuất giống gia cầm)		x	
151	18	1.011347	Thủ tục hỗ trợ xây dựng mới cơ sở chăn nuôi lợn đực để khai thác, truyền tinh nhân tạo		x	
152	19	1.011352	Thủ tục hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (đối tượng hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân)		x	
153	20	1.011350	Thủ tục hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ tập trung quy mô nhỏ		x	
154	21	1.003956.000.00.00.H38	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		x	
155	22	1.004498.000.00.00.H38	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		x	
156	23	1.011348	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất nuôi cá lồng trên sông, hồ		x	
157	24	2.001627.000.00.00.H38	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp		x	
158	25	1.003456.000.00.00.H38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)		x	
159	26	1.012531.000.00.00.H38	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		x	

160	27	1.007919.000.00.00.H38	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư)		x	
161	28	1.000047.000.00.00.H38	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên		x	
162	29	3.000250.000.00.00.H38	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái		x	
163	30	1.011471.000.00.00.H38	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện		x	
164	31	1.000045.000.00.00.H38	Xác nhận bảng kê lâm sản.		x	
165	32	1.012694.000.00.00.H38	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		x	
166	33	1.012695.000.00.00.H38	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng		x	
	X	Lĩnh vực Văn hóa và Thể thao		4	3	
167	1	1.008899.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	x		
168	2	1.008900.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	x		
169	3	1.003635.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	x		
170	4	1.003645.000.00.00.H38	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	x		
171	5	1.000963.000.00.00.H38	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke		x	

172	6	1.001029.000.00.00.H38	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke		x	
173	7	1.008898.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng		x	
	XI	Lĩnh vực Tài chính		7		
174	1	1.006218.000.00.00.H38	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	x		
175	2	1.006219.000.00.00.H38	Chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên.	x		
176	3	1.006220.000.00.00.H38	Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu.	x		
177	4	1.012994.000.00.00.H38	Thủ tục khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	x		
178	5	1.012995.000.00.00.H38	Thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	x		
179	6	1.012996.000.00.00.H38	Thủ tục thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	x		
180	7	1.013040.000.00.00.H38	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	x		
	XII	Lĩnh vực Nội vụ, Tôn giáo		17	11	
181	1	1.009322.000.00.00.H38	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện		x	
182	2	1.009323.000.00.00.H38	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện		x	
183	3	1.009324.000.00.00.H38	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện		x	
184	4	1.011262.000.00.00.H38	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	x		
185	5	1.009335.000.00.00.H38	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	x		

186	6	1.012939.000.00.00.H38	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội	x		
187	7	1.012940.000.00.00.H38	Thủ tục thành lập hội	x		
188	8	1.012941.000.00.00.H38	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	x		
189	9	1.012950.000.00.00.H38	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	x		
190	10	1.012952.000.00.00.H38	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	x		
191	11	1.012951.000.00.00.H38	Thủ tục hội tự giải thể	x		
192	12	1.012949.000.00.00.H38	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	x		
193	13	1.005358.000.00.00.H38	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe		x	
194	14	1.012381.000.00.00.H38	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện theo công trạng		x	
195	15	1.012383.000.00.00.H38	Thủ tục tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” (Cấp huyện)		x	
196	16	1.012385.000.00.00.H38	Thủ tục tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (Cấp huyện)		x	
197	17	1.012386.000.00.00.H38	Thủ tục tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" (Cấp huyện)		x	
198	18	1.012387.000.00.00.H38	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp huyện)		x	
199	19	1.012389.000.00.00.H38	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất (Cấp huyện)		x	
200	20	1.012390.000.00.00.H38	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho hộ gia đình (Cấp huyện)		x	
201	21	1.012603.000.00.00.H38	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
202	22	1.012602.000.00.00.H38	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	x		

203	23	1.012601.000.00.00.H38	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	x		
204	24	1.012600.000.00.00.H38	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	x		
205	25	1.012598.000.00.00.H38	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	x		
206	26	1.012596.000.00.00.H38	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	x		
207	27	1.012593.000.00.00.H38	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	x		
208	28	1.012599.000.00.00.H38	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	x		
	XIII	Lĩnh vực Giao thông vận tải		15	6	
209	1	1.004088.000.00.00.H38	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	x		
210	2	1.004088.000.00.00.H38	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	x		
211	3	1.004036.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	x		
212	4	2.001711.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	x		
213	5	1.004002.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		
214	6	1.003970.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		
215	7	1.006391.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	x		
216	8	1.003930.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		

217	9	2.001659.000.00.00.H38	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		
218	10	1.005040.000.00.00.H38	Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	x		
219	11	1.009452.000.00.00.H38	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.	x		
220	12	1.009453.000.00.00.H38	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	x		
221	13	1.009454.000.00.00.H38	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	x		
222	14	1.009455.000.00.00.H38	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	x		
223	15	1.003658.000.00.00.H38	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	x		
224	16	2.001218.000.00.00.H38	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		x	
225	17	2.001217.000.00.00.H38	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		x	
226	18	2.001215.000.00.00.H38	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu		x	
227	19	2.001214.000.00.00.H38	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		x	
228	20	2.001211.000.00.00.H38	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		x	
229	21	2.001212.000.00.00.H38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		x	
	XV	LĨNH VỰC XÂY DỰNG		7	5	
230	1	1.013239.000.00.00.H38	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu	x		
231	2	1.013234.000.00.00.H38	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng	x		
232	3	1.003141.000.00.00.H38	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	x		
233	4	1.008455.000.00.00.H38	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	x		

234	5	1.002693.000.00.00.H38	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	x		
235	6	1.012888.000.00.00.H38	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	x		
236	7	1.013225.000.00.00.H38	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không	x		Ban quản lý khu kinh tế c
237	8	1.013229.000.00.00.H38	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (côn	x		Ban quản lý khu kinh tế c
238	9	1.013232.000.00.00.H38	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tu	x		Ban quản lý khu kinh tế c
239	10	1.013226.000.00.00.H38	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình	x		Ban quản lý khu kinh tế c
240	11	1.013227.000.00.00.H38	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không	x		Ban quản lý khu kinh tế c
241	12	1.013228.000.00.00.H38	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trìn	x		Ban quản lý khu kinh tế c
	XVI	Lĩnh vực Lao động, thương binh và Xã hội		20	7	
242	1	2.000286.000.00.00.H38	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		x	
243	2	2.000282.000.00.00.H38	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		x	
244	3	2.000477.000.00.00.H38	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh		x	
245	4	1.001776.000.00.00.H38	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng	x		
246	5	1.001758.000.00.00.H38	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	x		
247	6	2.000298.000.00.00.H38	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	x		
248	7	2.000294.000.00.00.H38	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	x		
249	8	1.000684.000.00.00.H38	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	x		
250	9	1.001753.000.00.00.H38	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
251	10	1.001731.000.00.00.H38	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	x		

252	11	2.000744.000.00.00.H38	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	x		
253	12	1.000669.000.00.00.H38	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - TBXH	x		
254	13	2.002303.000.00.00.H38	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quản lý	x		
255	14	1.010832.000.00.00.H38	Thăm viếng mộ liệt sỹ	x		
256	15	2.001661.000.00.00.H38	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	x		
257	16	1.010939.000.00.00.H38	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	x		
258	17	1.010939.000.00.00.H38	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	x		
259	18	1.010940.000.00.00.H38	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	x		
260	19	1.004946.000.00.00.H38	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	x		
261	20	1.004944.000.00.00.H38	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	x		
262	21	1.004959.000.00.00.H38	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	x		
263	22	1.011546.000.00.00.H38	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	x		
264	23	1.011547.000.00.00.H38	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	x		
265	24	2.000777.000.00.00.H38	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc		x	
266	25	1.001739.000.00.00.H38	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		x	
267	26	2.001960.000.00.00.H38	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài		x	

268	27	2.002284.000.00.00.H38	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh		x	
	XVII	LĨNH VỰC DÂN TỘC		2		
269	1	1.012222.000.00.00.H38	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	x		
270	2	1.012223.000.00.00.H38	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	x		
			TỔNG SỐ	164	106	

ấp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc phạm vi quản lý và theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ

áp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc phạm vi quản lý và theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ

áp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc phạm vi quản lý và theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ

áp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc phạm vi quản lý và theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ

áp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc phạm vi quản lý và theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ

áp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc phạm vi quản lý và theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ